

Số: 285/QĐ-UBND

Phong Xuân, ngày 30 tháng 12 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố mục tiêu chất lượng năm 2022 của UBND xã Phong Xuân**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHONG XUÂN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến Hệ thống Quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 10113/QĐ-UBND, ngày 28/12/2021 của UBND huyện Phong Điền về việc công bố mục tiêu chất lượng năm 2022;*

*Theo đề nghị của công chức Văn phòng - Thống kê xã.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chính sách chất lượng của UBND xã (kèm theo phụ lục).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

Văn phòng - Thống kê xã, các bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, các đơn vị trực thuộc căn cứ các mục tiêu trên để xác định nhiệm vụ kế hoạch năm, các chỉ số hoặc tên công việc cụ thể cần ưu tiên thực hiện trong chương trình công tác năm, quý, tháng và phải đánh giá kết quả thực hiện trong báo cáo công tác tháng, quý, năm.

**Điều 3.** Đại diện lãnh đạo về chất lượng có trách nhiệm xem xét, phê duyệt, theo dõi triển khai các kế hoạch, tiến độ thực hiện của Văn phòng - Thống kê xã, các bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã. Tổng hợp, đánh giá mức độ, kết quả xây

dựng, áp dụng Hệ thống này, cũng như kết quả thực hiện chung của Ủy ban nhân dân xã đối với các mục tiêu trên để rút kinh nghiệm, tiếp tục đề ra các giải pháp triển khai và thực hiện các mục tiêu chất lượng năm 2022.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Văn phòng - Thống kê xã, các bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, Ban chỉ đạo xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Lưu: VP.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Bá Lành**

## MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 285 /QĐ-UBND ngày 30 /12/2021 của UBND xã)

1. Phần đầu **14/14** chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội của xã năm 2022 đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể:

a) Thu ngân sách nhà nước tại xã **2,4 Tỷ** đồng; thu tiền sử dụng đất xã hưởng: **1,5 tỷ** đồng.

b) Thu nhập bình quân đầu người **42** triệu đồng.

c) Tổng sản lượng lương thực có hạt: 4.200 tấn.

d) Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản do xã quản lý: 03 tỷ đồng.

đ) Bê tông hóa giao thông nông thôn: 02Km.

e) Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên duy trì 01%, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên xuống dưới 19%.

f) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 6,9%.

g) 100% trường học trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ huy động trẻ em đến trường: nhà trẻ: 36%, mẫu giáo: 90% (riêng mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%), tiểu học và trung học cơ sở đạt 100%.

h) Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề: 55%; lao động phi nông nghiệp 48%; tỷ lệ lao động có việc làm: 95%, xuất khẩu lao động 10 người.

i) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều 2021-2025) dưới 4,0% (giảm ít nhất 6 hộ nghèo).

k) Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao lĩnh vực số 4 (cảnh quan môi trường) và lĩnh vực số 5 (Quốc phòng- An ninh- hành chính công) theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao (kèm theo Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của UBND tỉnh).

l) Duy trì tỷ lệ che phủ rừng 71,38%.

n) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội đạt 10,5% lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm khoảng 4% lao động trong độ tuổi.

m) Rác thải sinh hoạt trên địa bàn được thu gom 100%, được phân loại tại nguồn (vô cơ và hữu cơ) **90%**.

2. Tối thiểu 40% cuộc họp được rút ngắn thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp không giấy tờ-Ecabinet.

3. Tối thiểu 97% ý kiến chỉ đạo, kết luận của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện được hoàn thành đúng thời gian; **100%** ý kiến chỉ đạo của UBND xã, Chủ tịch UBND xã có quy định thời hạn hoàn thành được theo dõi, đôn đốc

4. Tối thiểu 97% văn bản đi/tổng số văn bản đi của UBND xã, các CBCC xã (ngoại trừ các văn bản mật) được ký số và luân chuyển trên môi trường mạng.

5. Tối thiểu 95% phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính hoặc hành vi hành chính của cá nhân, tổ chức được xử lý dứt điểm; 100% phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận và xử lý, được giao xử lý và kiến nghị xử lý kịp thời, đảm bảo đúng quy định và quy trình tại UBND cấp xã.

6. Đảm bảo **100%** thủ tục hành chính được thực hiện đúng quy trình theo tiêu chuẩn ISO, trong đó:

- Tối thiểu 90% hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền của UBND xã được giải quyết đúng hạn.

- Tối thiểu 95 % hồ sơ trễ, chậm giải quyết có văn bản xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả

7. 100% TTHC được đưa vào tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (trừ các TTHC đặc thù).

8. Tối thiểu 80% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

9. Tối thiểu 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

10. Tối thiểu 70% Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ trên tổng Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. Tối thiểu 70% Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trên tổng Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

11. Tối thiểu 50% Thủ tục hành chính đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI. Trong đó:

- Tối thiểu 10% hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI trên tổng hồ sơ tiếp nhận của đơn vị tại.

- Tối thiểu 10% kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI trên tổng số hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ BCCI so với tổng hồ sơ trả kết quả của đơn vị.

12. Tối thiểu 90% ý kiến phản ánh từ Trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh của tỉnh được xử lý đúng hạn.